

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/DS-PT
Ngày 28-01-2019
“V/v tranh chấp về bồi thường
thiệt hại do tài sản bị xâm phạm”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuấn.

Các Thẩm phán:

1. Bà **Phạm Thị Thanh Giang**;

2. Bà **Đặng Thị Đồng**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Thái Công Hậu**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Bà **Trần Văn Sự**, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 232/2018/TLPT-DS ngày 07 tháng 12 năm 2018, về “Tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm”; do Bản án Dân sự sơ thẩm số 55/2018/DS-ST ngày 19 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2019/QĐ-PT ngày 02 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim M**, sinh năm 1963; cư trú tại: Ấp H, xã T, huyện A, tỉnh Tây Ninh; *có mặt*.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1962; ông **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1957; cùng cư trú tại: Ấp H, xã T, huyện A, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông **Nguyễn Thanh H1**, sinh năm 1959; cư trú tại: Đường P, khu phố C, thị trấn H, huyện A, tỉnh Tây Ninh (*theo Văn bản ủy quyền ngày 07-11-2017*); *có mặt*;

Người kháng cáo: Bà **Nguyễn Thị Kim M** là nguyên đơn; ông **Nguyễn Thanh H1** là người đại diện hợp pháp cho bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25-8-2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim M trình bày:

Vào năm 2009, gia đình bà chuyển về sống tại địa chỉ ấp H, xã T, huyện A. Năm 2011, anh Nguyễn Tấn H (con bà M) được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất có diện tích 72 m², thuộc thửa số 698, tờ bản đồ số 16. Khi bà trồng cây, xây nhà cấp 4, đã có con đường hẻm kế bên, vẫn còn thông thoáng, chưa ai lấn chiếm.

Ngày 07-5-2017, bà B và ông T1 đã tự ý chặt của bà 01 cây Nguyệt Quế (14 năm tuổi) và ngày 08-5-2017 tiếp tục chặt 01 cây Sanh (8 năm tuổi). Khi bà B, ông T1 chặt cây, bà có yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết nhưng bà B và ông T1 không đồng ý bồi thường.

Nay bà yêu cầu bà B, ông T1 có nghĩa vụ bồi thường giá trị cây Nguyệt Quế là 4.000.000 đồng, cây Sanh là 500.000 đồng; tổng cộng là 4.500.000 đồng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Thanh H1 trình bày:
Cây Nguyệt Quế và cây Sanh là do bà M trồng năm nào bà B, ông T1 không biết nhưng trồng trên diện tích đất lề đường, cản trở hướng nhà bà B ra đường. Do có nhu cầu xây dựng nhà nên bà B, ông T1 đã chặt của bà M 01 cây Nguyệt Quế và 01 cây Sanh; trước khi chặt bỏ những cây này, bà B có báo với bà M tự thu dọn nhưng bà M không thực hiện. Nay bà B, ông T1 đồng ý hỗ trợ cho bà M 1.000.000 đồng.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 55/2018/DS-ST ngày 19 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Áp dụng Điều 687 của Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của bà Nguyễn Thị Kim M đối với bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn T1.

Buộc bà B và ông T1 có nghĩa vụ bồi thường cho bà Nguyễn Thị Kim M số tiền 1.766.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí định giá; nghĩa vụ do chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 01-11-2018, ông Nguyễn Thanh H1 là người đại diện hợp pháp cho bị đơn ông T1, bà B, có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, với nội dung: Yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M; vì bà M trồng cây gây cản trở cho việc sử dụng đất của bà B, ông T1 và đã thông báo trước nhưng bà M không di dời; do đó bà B, ông T1 không có lỗi nên không phải bồi thường cho bà M. Cấp sơ thẩm không xem xét yếu tố lỗi của bên khởi kiện; tự thẩm định giá tài sản bị thiệt hại là không đúng quy định của pháp luật.

Ngày 02-11-2018, bà Nguyễn Thị Kim M có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, với nội dung:

+ Đề nghị Tòa án có biện pháp xử lý đối với hành vi của ông T1, bà B đã chặt phá cây Sanh và cây Nguyệt Quế của bà M.

+ Án sơ thẩm buộc bà B, ông T1 bồi thường cho bà M trị giá cây Sanh và cây Nguyệt Quế tổng cộng là 1.766.000 đồng là thấp. Bà M đề nghị cấp phúc thẩm buộc bà B, ông T1 bồi thường tổng cộng là 4.500.000 đồng (trong đó cây Nguyệt Quế trị giá 4.000.000 đồng; cây Sanh 500.000 đồng).

+ Về chi phí thẩm định giá: Do yêu cầu khởi kiện của bà M được chấp nhận và bà B, ông T1 là người có lỗi gây ra thiệt hại cho bà nên cần buộc bà B, ông T1 phải chịu chi phí thẩm định giá.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà M xin rút bớt một phần yêu cầu kháng cáo. Bà M kháng cáo chỉ yêu cầu buộc bà B, ông T1 bồi thường tổng cộng là 4.500.000 đồng (trong đó cây Nguyệt Quế trị giá 4.000.000 đồng; cây Sanh 500.000 đồng). Buộc bà B, ông T1 phải chịu 600.000 đồng tiền chi phí thẩm định giá.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Thanh H1 là người đại diện hợp pháp cho ông T1, bà B, bổ sung yêu cầu kháng cáo với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét, miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn T1; vì ông T1 là người cao tuổi.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm về vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa.

Về nội dung: Việc định giá tài sản của cấp sơ thẩm là chưa thực hiện đúng trình tự tố tụng; cụ thể, Quyết định thành lập Hội đồng định giá chỉ có 01 thành viên. Tuy nhiên, do không định giá được nên cấp sơ thẩm khảo sát, lấy giá bình quân đối với tài sản cùng loại tại địa phương trên cùng thời điểm là có căn cứ nên không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim M; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thanh H1 (đại diện hợp pháp cho bà M, ông T1); sửa một phần bản án sơ thẩm, buộc bà M, ông T1 phải chịu chi phí thẩm định giá tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự và xem xét miễn tiền án phí cho ông T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Năm 2009, bà M trồng 01 cây Nguyệt Quế và 01 cây Sanh trên phần đất thuộc quy hoạch lộ giới. Theo bà M cây Nguyệt Quế bà đã trồng chỗ khác trước đó khoảng 06 năm, cây Sanh bà trồng bằng nhánh.

[2] Bà B, ông T1 thừa nhận ngày 07 và 08-5-2017 có chặt 01 cây Nguyệt Quế và 01 cây Sanh của bà M, vì bà M trồng 02 cây này trên đất lộ giới, che khuất lối đi; trước khi chặt có báo với bà M tự di dời nhưng bà M không thực hiện.

[3] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Thanh H1 (là người đại diện hợp pháp cho bị đơn bà B, ông T1) yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M, xét thấy: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định bà M trồng cây Nguyệt Quế và cây Sanh không nằm trong diện tích đất của bà B, ông T1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mà nằm trên đất quy hoạch lộ giới 20 mét; nếu có tranh chấp, các bên phải yêu cầu chính quyền địa phương có biện pháp xử lý, giải quyết nhưng bà B, ông T1 tự ý chặt bỏ cây trồng của bà M là đã xâm phạm đến tài sản của bà M, lỗi hoàn toàn thuộc về bà B, ông T1. Cấp sơ thẩm buộc bà B, ông T1 có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà M là có căn cứ nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thanh H1 là người đại diện hợp pháp cho bị đơn ông T1, bà B.

[4] Xét kháng cáo của bà M yêu cầu bà B, ông T1 bồi thường cây Nguyệt Quế (*có độ tuổi 14 năm*) trị giá 4.000.000 đồng và cây Sanh (*có độ tuổi 8 năm*) trị giá 500.000 đồng; tổng cộng là 4.500.000 đồng.

Xét thấy, tại Biên bản định giá tài sản ngày 13-9-2018 của Tòa án cấp sơ thẩm thể hiện không định giá được, vì căn cứ vào Quyết định số 62/2015/QĐUBND ngày 29-12-2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh, thể hiện: Cây Nguyệt Quế và cây Sanh không nằm trong danh mục bảng giá bồi thường, hỗ trợ hoa màu, cây trái và vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh và cây Nguyệt Quế, cây Sanh đã bị chặt bỏ, hiện tại không còn nên Hội đồng lập biên bản không tiến hành định giá được. Tại phiên tòa, bà M, ông H1 đều không yêu cầu định giá lại tài sản bị thiệt hại.

Tòa án cấp sơ thẩm, căn cứ kết quả khảo sát giá đối với tài sản cùng loại tại địa phương trên cùng thời điểm (bút lục 71, 84, 85) để xác định giá trị bình quân của cây Nguyệt Quế là 1.466.000 đồng và cây Sanh giá 300.000 đồng là có cơ sở chấp nhận. Do đó, không thỏa mãn yêu cầu kháng cáo của bà M, ông H1; chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của bà M về chi phí thẩm định giá: Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu khởi kiện của bà M được chấp nhận; bà B, ông T1 là người có lỗi, gây ra thiệt hại và phải bồi thường cho bà M nhưng cấp sơ thẩm buộc bà M chịu tiền chi phí thẩm định giá là chưa đúng với quy định của pháp luật, nên cần chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà M. Căn cứ khoản 1 Điều 165; khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; sửa một phần bản án sơ thẩm, buộc bà B, ông T1 phải chịu 600.000 đồng tiền chi phí thẩm định giá (do bà M đã tạm ứng tiền chi phí thẩm định giá và đã chi phí xong nên cần buộc bà B, ông T1 hoàn trả lại cho bà M).

[6] Bản án sơ thẩm tuyên về phần nghĩa vụ do chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là chưa chính xác, mà phải áp dụng theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; cụ thể: *“Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015”*.

Ngoài ra về phần nội dung vụ án, tại phiên tòa phúc thẩm ông H1 cho rằng cấp sơ thẩm áp dụng Điều 687 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết là chưa chính xác. Xét thấy, cần chấp nhận lời trình bày của ông H1 nên cần áp dụng thêm các điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, ông Nguyễn Văn T1 có đơn xin miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm; với lý do là người cao tuổi.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xét thấy, ông T1 là người cao tuổi nhưng chưa được cấp sơ thẩm xem xét, nên cần chấp nhận đơn xin miễn án phí của ông T1, và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm; sửa bản án sơ thẩm, miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho ông T1.

[8] Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thanh H1 (là người đại diện hợp pháp cho bị đơn ông T1, bà B); chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim M (về phần tiền chi phí thẩm định giá); chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm; sửa một phần bản án sơ thẩm.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên bà M, ông T1, bà B đều không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thanh H1 (là người đại diện hợp pháp cho bị đơn bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn T1); chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim M;
3. Sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số 55/2018/DSST ngày 19 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Tây Ninh.
4. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim M đối với bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn T1, về việc “Tranh chấp về yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm”.

5. Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 589 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án,

6. Buộc bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ bồi thường cho bà Nguyễn Thị Kim M số tiền 1.766.000 (*một triệu, bảy trăm sáu mươi sáu nghìn*) đồng.

7. Về chi phí định giá tài sản: Bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn T1 phải chịu 600.000 (*sáu trăm nghìn*) đồng tiền chi phí định giá tài sản. Ghi nhận bà Nguyễn Thị Kim M đã nộp tạm ứng và đã chi phí xong nên buộc bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Kim M 600.000 (*sáu trăm nghìn*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

8. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kim M phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp theo Biên lai thu số 0004646 ngày 23-10-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Tây Ninh.

Bà Nguyễn Thị B phải chịu 150.000 (*một trăm, năm mươi nghìn*) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn T1.

9. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kim M không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà M 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0012600 ngày 02-11-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Tây Ninh.

Bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn T1 không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà B, ông T1 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0012598 ngày 01-11-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Tây Ninh (*do ông Nguyễn Thanh H1 nộp*).

10. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật

Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh TN;
- TAND huyện A;
- Chi cục THADS huyện H;
- Phòng KTNV&THA. TATTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Tuấn